TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 95/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 27/6/2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Ông Phan Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2017/TLPT-HNGĐ ngày 13/12/2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2018/QĐPT ngày 20 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hải T, sinh năm 1962; cư trú tại: Số nhà 834 đường Phúc Diễn, tổ dân phố Nhuệ Giang, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Hiện tạm trú tại: Số 75 đường Nhuệ Giang, tổ dân phố Nhuệ Giang, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà T: Luật sư Vũ Thị Viên – Văn phòng Luật sư Đông Hà, đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: ÔngNguyễn Công H, sinh năm 1961; cư trú tại: Số nhà 834 đường Phúc Diễn, tổ dân phố Nhuệ Giang, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Công Đăng, sinh năm 1994;
- Anh Phùng Anh Dũng, sinh năm 1987;

Cùng cư trú tại: Số nhà 834 đường Phúc Diễn, tổ dân phố Nhuệ Giang, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Anh Lê Trọng Biển;
- Chị Xuân Thị Hằng.

Cùng cư trú tại: Số nhà 826 đường Phúc Diễn, tổ dân phố Nhuệ Giang, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn và lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Hải T trình bày:

Bà và ôngNguyễn Công H kết hôn năm 1988 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tây Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội (Nay là UNND phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm). Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Hải có quan hệ với người khác. Bà T đã khuyên ngăn ông Hải nhiều lần nhưng không được, năm 2012 Bà T và ông Hải sống ly thân mỗi người một nơi, Bà T ở ngoài Bắc còn ông Hải ở trong Nam. Lý do ông Hải bỏ vào miền Nam sinh sống là do ông Hải đi theo bạn gái củaông H. Năm 2015,ông H quay trở về đánh và đuổi bà ra khỏi nhà, bà phải đi thuê nhà ở;ông H còn đến chỗ bà thuê trọ đe dọa tính mạng của bà. Bà nhận thấy từ khi ly thân vợ chồng sống không có trách nhiệm và tình cảm với nhau, tự mình lo không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm của Bà T với ông Hải không còn, Bà T xin được ly hôn ông Hải.

Về con chung: Bà T vàông H có 02 con chung là Nguyễn Thanh Hằng, sinh ngày 05/4/1988 và Nguyễn Công Đăng, sinh ngày 19/01/1994. Các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Về tài sản chung:

+*Về nhà đất*: Bà T vàông H có 3 ngôi nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất khoảng 900m^2 ở TDP Nhuệ Giang, phường Tây Mỗ. Đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất này do vợ chồng ông bà khai hoang ven bờ sông Nhuệ từ năm 1988, vợ chồng bà chưa được cấp có thẩm quyền giao diện tích đất này vì là đất bị quy hoạch. Ngoài ra vợ chồng bà còn có nhà đất ở trong Nam (thuộc tỉnh Bình Dương), do ông Hải có bạn gái nên năm 2012 vợ chồng bà đã tự phân chia tài sản ở trong Bình Dương và đã sang tên tại cấp có thẩm quyền. Còn tài sản nhà đất ở phường Tây Mỗ ông bà đã có bản phân chia tài sản thỏa thuận viết tay. Nội dung bản phân chia tài sản viết tay có nội dung Bà T được sở hữu 2 nhà cấp 4 diện tích khoảng 160m^2 nằm trên diện tích đất 400m^2, còn ông Hải được sở hữu 01 nhà cấp 4 diện tích khoảng 20m^2 trên diện tích đất khoảng 400m$^{2.}$ Sau khi ông Hải đi Bình Dương thì Bà T và cháu Đăng đã quản lý nhà đất này, còn nhà của ông Hải thiông H đã cho người khác thuê. Tháng 7 năm 2015 ông Hải khóa cửa không cho Bà T về ở nhà đất này nên Bà T phải đi thuê chỗ khác để ở.

+ *Về đồ dùng sinh hoạt trong gia đình*: Trong nhà chỉ có vài thứ lặt vặt như xoong nồi, bát đĩa, ti vi tủ lạnh, điều hòa hiện do ông Hải đang quản lý giá trị sử dụng không lớn nên Bà T không yêu cầu chia và định giá số tài sản này mà để cho ông Hải sở hữu toàn bộ không phải thanh toán tiền cho bà.

Về nợ chung: Bà T xác nhận tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn – ÔngNguyễn Công H trình bày:

Về thời gian điều kiện kết hôn ông xác nhận đúng như Bà T đã trình bày. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2006 thì mâu thuẫn do bà Thủy nghi ngờ ông có quan hệ ngoại tình với người giúp việc của nhà vợ chồng ông cho thuê. Ông đã giải thích nhưng bà Thủy không tin, việc bà Thủy nói ông ngoại tình với cô Thủy là người bán cà phê trong Bình Dương và cô Chi, ông có số điện thoại của chồng cô Thủy để nghị Tòa xác minh. Về cô giáo Chi là mối quan hệ quen biết nên bà Thủy có nhờ cô Chi đưa đón cháu Đăng đi học khi vợ chồng ông ra Bắc. Khi cháu Đăng con ông bà định tự tử ông nhờ cô Chi là Bác sĩ Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương đến chăm sóc cho cháu Đăng (Có anh trai bà Thủy chứng kiến) nhưng bà Thủy nghe không rõ nên nghĩ là bạn gáiông H. Việc vợ chồng ông phải phân chia tài sản ở trong Bình Dương do Bà T đặt điều cho ông nên ông đã nhất trí phân chia tài sản theo yêu cầu của bà Thủy. Ông và Bà T vẫn quan hệ tình cảm với nhau không phải ly thân toàn bộ.

Việc bà Thủy không được ở tại nhà đất Tây Mỗ do bà Thủy không có trách nhiệm với gia đình, cụ thể cháu nội và bố ông chết, bà Thủy ở trong Bình Dương không về chịu tang và lo tang, khi con gái đẻ không trông nom màông H phải đưa con gái đi đẻ, khi anh Đăng là con traiông H và Bà T có ý định lấy vợ thì bà Thủy không đứng ra lo màông H phải vay mượn để cưới cho cháu. Lý do bà Thủy xin ly hôn ông là có khả năng Bà T đã có quan hệ với người khác nên đã khước từ lời mời về ở cùng ông. Nay tình cảm của ông đối với bà Thủy vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung:ông H xác nhận có 02 con chung như bà Thủy khai là đúng, nếu phải ly hôn thì các cháu đã trưởng thành nên ở với ai là quyền của các cháu

Về tài sản chung:

+ Về nhà đất ở Bình Dương có 3 khối

Khối 1: Gồm có một nhà 3 tầng nằm trên diện tích đất 64m^2 tọa lạc tại tổ 43 A đường Đinh Bộ Lĩnh, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương

Khối 2: Gồm 1 nhà cấp 4 diện tích 143 m^2 nằm trên diện tích đất 143 m^2 tọa lạc tại 31/11 đường Nguyễn Văn Lên, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương.

Khối 3: Gồm 1 nhà cấp 4 nằm diện tích đất 60m^2 tọa lạc tại số nhà 14/16 khu tập thể Tỉnh đoàn khu phố 2, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương.

Cả 3 khối tài sản trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông và bà Thủy, nguồn gốc nhà đất này do vợ chồng ông bỏ tiền ra mua.

Năm 2012, vợ chồng ông đã làm bản phân chia tài sản như sau: Ông được sở hữu 1 nhà cấp 4 diện tích 143m^2 nằm trên diện tích đất 143m^2 tọa lạc tại 31/11 đường Nguyễn Văn Lên, phường Phú Lợi, Bình Dương. Con gái là Nguyễn Thanh Hằng được sở hữu 02 khối tài sản còn lại tọa lạc tại số nhà 14/16 khu tập thể Tỉnh đoàn khu phố 2 phường Phú Lợi, Bình Dương và một nhà 3 tầng nằm trên diện tích đất 64m^2 tọa lạc tại tổ 43 A đường Đinh Bộ

Lĩnh, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương dưới hình thức bố mẹ tặng cho tài sản cho con để đỡ mất thuế do năm đó cháu Đăng chưa đủ tuổi để nhận tài sản. Việc phân chia tài sản năm 2012 giữa ông và Bà T đã được sang tên quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại cấp có thẩm quyền.

Nay nếu phải ly hôn ông đề nghị Tòa phân chia lại nhà đất ở trong Bình Dương để đảm bảo quyền lợi cho bà Thủy và cháu Đăng.

Sau đó cả Bà T vàông H đều không yêu cầu Tòa án chia nhà, đất ở tỉnh Bình Dương.

Về nhà đất ở Tây Mỗ như bà Thủy trình bày là không đúng thực chất như sau: Nguồn gốc 900m^2 đất tại tổ dân phố Nhuệ Giang, Tây Mỗ do bố ông và ông khai hoang từ năm 1967 là tài sản của ông có trước khi hôn nhân ông lấy bà Thủy nên ông không đồng ý chia. Khi ông lớn lên thì ông đóng gạch để bán nên ông được bố cho sử dụng diện tích đất này. Còn bố ông và các em thì ở mảnh đất phía dưới liền kề với mảnh đất bố ông cho ông. Sau khi ông cưới bà Thủy thì vợ chồng sống nhà cấp 4 cùng bố tại thôn Nhuệ Giang ở cạnh mảnh đất 900m^2 mà bà Thủy yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Nhà này vợ chồng ông đã bán từ năm 2001 để mua nhà ở trong Bình Dương và vợ chồng con cái cùng ở nhà này. Còn 3 ngôi nhà cấp 4 như bà Thủy khai là nhà do ông xây từ năm 1998 (Nhà 20m^2) xây năm 1976 (Nhà 40m^2), nhà cấp 4 to nhất xây khoảng năm 2009 xây trên nền nhà cũ xây năm 1976 phá đi làm lại. Tóm lại từ khi bà Thủy về làm vợ ông bà Thủy hay ốm đau nên mọi việc trong gia đình đều do ông lo toan gánh vác. Diện tích đất 900m^2 hiện bà Thủy yêu cầu chia khi ly hôn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã được đóng thuế hàng năm. Trước đây ông nhờ mẹ vợ tên là Nguyễn Thị Bằng nộp hộ một phần diện tích đất (Bao nhiêu ông không nhớ) vì đất đai nhà ông rộng nên ông phải nhờ bà Bằng nộp hộ, sau này bà Bằng trả lại cho ông (có giấy trả lại đất) thì vợ ông phải nộp thuế hộ ông.

Lý do năm 2012 vợ chồng có viết tay giấy thỏa thuận phân chia diện tích đất ở tổ dân phố Nhuệ Giang (có nội dung cụ thể ông không nhớ chỉ có một bản duy nhất một bản do cô Thủy cầm) như trên ông đã trình bày do bà Thủy ép nên ông đã nhất trí phân chia tài sản ở trong Bình Dương và ở TDP Nhuệ Giang và ông đã ký vào các giấy tờ này. Nay nếu phải ly hôn ông sẽ thanh toán tiền nguyên vật liệu xây nhà trên đất cụ thể là nhà 2 nhà cấp 4 như đã trình bày ở đoạn trên, ông không đồng ý tạo chỗ ở cho bà Thủy.

Về đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm có 03 chiếc ti vi, một máy điều hòa, 01 tủ lạnh và một số đồ dùng linh tinh hiện ông đang quản lý. Nếu phải ly hôn ông không đề nghị Tòa giải quyết số đồ dùng trên mà tự thỏa thuận với Bà T.

Ông khẳng định quá trình các con ông ở nhà đất đang có tranh chấp không có công sức sửa chữa hay đóng góp gì vào khối tài sản vợ ông đang có tranh chấp với ông.

Về nợ chung: Tháng 3 năm 2016 ông vay Ngân hàng SHB (Sài Gòn Hà Nội) chi nhánh Tân Phước Khánh, Bình Dương số tiền 250.000.000 đồng để cho con trai ông nuôi con do vợ cháu sinh non thiếu tháng, bà Thủy có ký vào Hợp đồng tín dụng. Ông là người nhận tiền, bà Thủy không được chi tiêu

số tiền này, mà ông cho con trai 240 triệu còn 10 triệu ông chi tiêu cá nhân. Hiện số tiền trên ông vẫn chưa trả hết. Nếu phải ly hôn ông xin tự trả số tiền trên không yêu Tòa giải quyết. Ngoài ra không vay nợ ai.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Anh Nguyễn Công Đăng khẳng định anh không có công sức gì trong khối tài sản của bố mẹ anh ở Tây Mỗ. Nay bố mẹ anh ly hôn, anh đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

- Anh Phùng Anh Dũng khai: Anh thuê nhà số 832 đường Phúc Diễn của vợ chồngông H từ tháng 9/2016, thời hạn thuê là 12 tháng để kinh doanh bán cây xanh. Quá trình thuê anh không xây dựng, sửa chữa gì. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

- Anh Lê Trọng Biển và chị Xuân Thị Hằng khai: Anh, chị thuê nhà số 826 đường Phúc Diễn của vợ chồngông H từ năm 2015. Quá trình thuê anh, chị không xây dựng, sửa chữa gì. Anh, chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Hà Nội đã xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hải T và ôngNguyễn Công H.

2.Về con chung: Bà T vàông H có 02 con chung là Nguyễn Thanh Hằng, sinh ngày 05/4/1988 và Nguyễn Công Đăng, sinh ngày 19/01/1994, đã trưởng thành và có gia đình riêng, ở với ai là quyền của anh chị.

3.Về tài sản chung:

- Xác nhậnông H, Bà T xây dựng được 01 nhà cấp IV diện tích 67,8m2;01 tường rào có diện tích 11,6m2; o1 cổng sắt có diện tích 4,095m2;02 cây xoài; 03 cây bưởi tại số nhà 832 đường Phúc Diễn, tổ dân phố Nhuệ Giang, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà nội có giá trị là 48.115.679 đồng. Tại số nhà 834 có 01 nhà cấp IV có diện tích là 144,1m2; 01 tường rào xây gạch diện tích 12,96m2; 01 cổng sắt; 01 hàng rào mắt cáo diện tích 15m2;01 cây lộc vừng; 01 cây đào nhỏ;01 cây tào dại;21 cây bưởi;10 cây xoài;01 cây nhãn;01 hàng rào xây gạch có diện tích 48,66m2 có giá trị sử dụng là 181.721.806 đồng.Tại số nhà 826 có 01 nhà cấp IV có diện tích 49m2 có giá trị 67.406.174 đồng. Tại số nhà 838 có móng nhà,tường bao không còn giá trị và 03 cây nhãn có giá trị 900.000 đồng. Toàn bộ tài sản là các công trình xây dựng, cây cối có tổng giá trị là 298.143.659 đồng. Thanh toán tài sản chung vợ chồng,ông H Bà T mỗi người có 149.071.830 đồng.

Chia bằng hiện vật;

Chia cho Bà T nguyên vật liệu của 01 nhà cấp 4 diện tích là 67,8m2;01 tường rào có diện tích 11,16m2;01 cổng sắt có diện tích 4,095m2; 02 cây xoài;03 cây bưởi nằm trên một phần thửa đất số 18 tờ bản đồ 373-11 có diện tích 165,2m2 (nhà 832) và 03 cây nhãn tại phần thửa đất số 30 tờ bản đồ 373-11 diện tích 87,9m2(nhà 838). Tổng giá trị Bà T được chia có trị sử dụng là 49.015.679 đồng, so với kỷ phần được hưởng còn đượcông H thanh toán 100.056.151 đồng.

Chia choông H nguyên vật liệu của nhà cấp 4 diện tích 144,1m2; 01 tường rào có diện tích 12,96m2; 01 cổng sắt; 01 hàng rào mắt cáo diện tích 15m2; 01 cây lộc vừng; 01 cây đào nhỏ; 01 cây tào dại; 21 cây bưởi; 10 cây xoài; 01 cây nhãn; 01 hàng rào gạch có diện tích 48,66m2 nằm trên thửa đất số 23 tờ bản đồ 373-11 diện tích 701,2m2 (nhà 834) và nguyên vật liệu của nhà cấp 4, nằm trên một phần thửa đất số18 tờ bản đồ 373-11 diện tích là 115m2 (nhà 826). Tổng giá trị tài sảnông H được chia có giá trị sử dụng là 249.127.981 đồng, so với kỷ phần được hưởngông H phải thành toán cho ba Thủy 100.056.151 đồng.

Ông Hải tạm thời được quản lý sử dụng 115m2 đất thuộc một phần thửa đất số18 tờ bản đồ 373-11(nhà 826) và 701,2m2 đất thuộc một phần thửa đất số 23 tờ bản đồ 373-11(số nhà 834); Bà T tạm thời được quyền quản lý sử dụng 165,2m2 thuộc một phần thửa đất số 18 tờ bản đồ 373-11(số nhà 832) và 87,9m2 đất thuộc một phần thửa đất số 30 tờ bản đồ 373-11(số nhà 838) cho đến khi có quyết định mới của cơ quan có thẩm quyền.

Ghi nhận sự tự nguyện củaông H,bà Thuyrkhoong yêu cầu tòa án giải quyết đồ dùng sinh hoạt trong gia đình và nhà đất ở trong Bình Dương.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 07 tháng 11 năm 2017, bà Nguyễn Thị Hải T có đơn kháng cáo phần chia tài sản chung của vợ chồng. Bà T cho rằng bản án sơ thẩm chỉ chia cho bà hưởng tài sản thực tế là 49.015.679 đồng trong khi chia giao choông H 249.127.659 đồng còn lại đượcông H thanh toán bằng tiền là không có căn cứ; bản án sơ thẩm chỉ giao cho bà 253,1m^2 đất còn lại giao choông H 816m^2 đất trong khi công sức của vợ chồng là ngang nhau là không công bằng, không đảm bảo quyền lợi của người vợ. Đề nghị tòa án cấp phúc thẩm chia lại tài sản chung vợ chồng theo phương án cụ thể giao cho bà 02 căn nhà số 826 và 832 trên diện tích 280m^2 đất vì cùng nằm trên cùng thửa đất số 18 tờ bản đồ 373-11 và chia đôi phần đất còn lại tại căn nhà số 834 là 557,1m^2 sau khi đã trừ đi diện tích có căn nhà 834 đồng ý giao choông H. Phần tài sản trên 87,9m^2 đất tại số nhà 838 giao choông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Hải T không rút đơn khởi kiện xin ly hôn; không rút đơn kháng cáo; Bà T bổ sung kháng cáo yêu cầu xem xét khoản tiềnông H cho thuê căn nhà số 826 từ tháng 01/2014 đến nay vì hiện nay anh Biển, chị Hằng vẫn đang ở trong căn nhà đó. Tiền thuế nhà giá 3.000.000 đồng/tháng. ÔngNguyễn Công H không kháng cáo nhưng nay không đồng ý chia tài sản cho Bà T, vì đây là tài sản ông có trước khi kết hôn với Bà T.

Luật sư bảo về cho Bà T thay mặt trình bầy kháng cáo cụ thể: Bà T chỉ kháng cáo phần chia tài sản chung vợ chồng, không kháng cáo phần tình cảm và quan hệ con chung. Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị tài sản chung là 298.143.659 đồng và xác định chia đôi giá trị mỗi người được 149.071.830 đồng là phù hợp nhưng khi giao tài sản lại chỉ giao cho Bà T 01 căn nhà cấp IV số 832 đã quá cũ nát chỉ còn giá trị 49 triệu đồng là không phù hợp; tại phiên tòa phúc thẩm anh Đăng cũng xác nhận căn nhà đó trước đây anh đã vào ở nhưng không ở được vì quá xuống cấp, xập xệ và rất ô nhiễm. Giao

choông H phần 02 căn nhà giá trị có giá trị trên 249 triệu đồng dù phải thanh toán cho Bà T 100 triệu đồng là quá chênh lệch và không phù hợp, không đảm bảo giá trị sử dụng ổn định cuộc sống cho Bà T; chưa đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ khi ly hôn. Về phần tạm giao quản lý đất: Tuy đất đó chưa được công nhận quyền sử dụng, nhưng bản án sơ thẩm đã tạm giao choông H 800m^2 đất trên có tài sản như đã nêu trên trong khi chỉ tạm giao cho Bà T 250m^2 cũng là quá chênh lệch. Đây là tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân, công sức của hai ông, bà là ngang nhau. Nay Bà T đề nghị được giao căn nhà số 826, 832 trên diện tích khoảng 280m^2 đất vì 02 căn nhà này nằm cùng trên thửa đất số 18 tờ bản đồ 373-11 và tài sản trên đất; giao một nửa đất vườn tại thửa 834A tổng diện tích Bà T yêu cầu được giao là 588m^2, phần chênh lệch Bà T nhất trí thanh toán choông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của Bà T làm trong hạn luật định, đã đóng tạm ứng án phí đầy đủ là hợp lệ cần chấp nhận để xét.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữaông H, Bà T là hôn nhân hợp pháp. Khối tài sản đang có tranh chấp có sau thời kỳ kết hôn, vợ chồng có quyền ngang nhau trong khối tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Tuyông H khai nguồn gốc khu đất do cụ Nhạ (là bốông H) khai hoang sau đó giao lại cho hai vợ chồng ông. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm Bà T xuất trình bản chính giấy xác nhận của cụ Nhạ đề ngày 15/02/2001 và một giấy xác nhận của cụ Nhạ có đóng dấu xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tây Mỗ, xác nhận ngày 02/02/2001 (bản photo) trong đó nội dung cụ Nhạ và anh emông H xác nhận toàn bộ diện tích 2.300m^2 trên có một căn nhà trong đó có 1.300m^2 là ao thuộc quyền sử dụng củaông H và Bà T.

Tại phiên tòaông H tự nguyện cho anh Đăng căn nhà số 826 nên cần ghi nhận phần củaông H. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định toàn bộ tài sản đó là của vợ chồng, đất chưa được công nhận nên cần tạm giao cho các bên đảm bảoông H được giao nhiều hơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, luật sư và Kiểm sát viên; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Về tố tụng:

Anh Lê Trọng Biển và chị Xuân Thị Hằng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt. Đơn kháng cáo của Bà T nộp trong thời hạn, đã nộp tạm ứng đúng quy định nên được chấp nhận để xem xét.

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung là đồ dùng sinh hoạt và công nợ: Các bên đương sự không kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị nên không xét.

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hải T về phần chia tài sản chung vợ chồng và giao quản lý, sử dụng và sở hữu tài sản bằng hiện vật: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định khối tài sản chung của vợ chồng Bà T vàông H bao gồm 03 căn nhà số 826; 832, 834 trên đất có cây cối, công trình xây dựng và phần công trình xây dựng, cây nhãn tại số nhà 838 đường Phúc Diễn, tổ dân phố Nhuệ Giang, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà nội là có căn cứ. Các tài sản này có tổng giá trị là 298.143.659 đồng và xác định chia đôi giá trị mỗi người được 149.071.830 đồng là phù hợp và không có kháng cáo.

Toàn bộ các tài sản này nằm trên tổng diện tích 1069m^2 đất tại các thửa đất như đã xác định tại hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Công ty cổ phần tư vấn, thiết kế, khảo sát đo đạc và bản đồ lập tháng 3 năm 2017; tài liệu này đã được đối chiếu với hồ sơ quản lý địa chính của Ủy ban nhân dân phường Tây Mỗ theo báo cáo số 1149/BC-UBND ngày 18/8/2017 (BL136). Các đương sự thống nhất với kết quả đo đạc này; Tòa án cấp phúc thẩm cũng đã tiến hành thẩm định lại và các bên đều nhất trí không có gì thay đổi. ÔngNguyễn Công H cho rằng toàn bộ diện tích đất hiện đang có tranh chấp là do bố ông khai hoang, quản lý từ năm 1967, sau khi vợ chồng ông kết hôn mới được bố giao tiếp tục sử dụng nên đây là tài sản ông có trước hôn nhân nên nay không đồng ý chia cho Bà T. Án sơ thẩm đã chia, tuy ông không kháng cáo nhưng Bà T không biết điều nên không đồng ý cho Bà T mét vuông nào nữa. Ông xác định bố ông là cụ Nguyễn Công Nhạ mới mất năm 2015.

Theo các tài liệu do Bà T xuất trình về việc đóng thuế nhà đất có trong hồ sơ vụ án và đượcông H xác nhận cũng như việc theo dõi quản lý đất đai tại Ủy ban nhân dân phường Tây Mỗ thì toàn bộ diện tích đất hiện có tranh chấp được bà Nguyễn Thị Băng (là mẹ Bà T) đóng thuế với diện tích 800m^2 từ 1993 đến hết 2003 (BL 23-19). Việc này đượcông H và Bà T xác nhận tại phiên tòa phúc thẩm là do vợ chồngông H nhờ bà Băng thực hiện hộ do lúc đó ông, bà đang sinh sống tại Bình Dương, mặc dù lúc đó cụ Nhạ là bốông H còn sống và ở sát cạnh đất này. Theo thông tin về hồ sơ quản lý địa chính do Ủy ban nhân dân phường Tây Mỗ cung cấp thì toàn bộ diện tích đất này không thể hiện trên bản đồ năm 1960, năm 1986 và năm 1992. Từ năm 1994 bắt đầu thể hiện thửa số 18, tờ bản đồ số 373-11 diện tích 393m^2; sổ mục kê năm 2000 mới có chủ sử dụng đất đứng tên ôngNguyễn Công H tại thửa số 23 diện tích 481m^2 và thửa số 30 diện tích 591m^2. Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà T xuất trình bản chính giấy xác nhận của cụ Nhạ đề ngày 15/02/2001 và một giấy xác nhận của cụ Nhạ có đóng dấu xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tây Mỗ, xác nhận ngày 02/02/2001 (bản photo) trong đó nội dung cụ Nhạ và anh emông H xác nhận toàn bộ diện tích 2.300m^2 trong đó có 1.300m^2 là ao; trên đất có một căn nhà mái bằng khoảng 20m^2, bếp, khu công trình phụ, khu chuồng lợn là hoàn toàn củaông H và Bà T làm nên; có chiều dài khoảng 90m

mặt đường, có tứ cận nêu cụ thể. ÔngNguyễn Công H xác nhận chữ ký của cụ Nhạ và anh em củaông H cũng như của vợ chồng ông trong giấy này. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định đây là chứng cứ của vụ án. Đối với các tài sản trên đất thìông H và Bà T đều xác nhận do vợ chồng xây dựng làm lên. Trong đó theo hiện trạng: căn nhà số 834 xây dựng năm 2000, còn các căn nhà số 826 xây năm 1998; nhà 832 xây dựng khoảng năm 1995 và các cây cối trên đất bao gồm cả công trình tại số nhà 838 đều được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

Như vậy không đủ căn cứ xác định đất này là của gia đình bố đẻ củaông H khai hoang mà xác định từ sau khi kết hônông H, Bà T đã quản lý, tôn tạo, sử dụng toàn bộ đất nêu trên, xây dựng các công trình và trồng cây cối và kê khai đóng thuế nhà,đất như tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, thẩm định và định giá.

Tuy nhiên theo cung cấp của Ủy ban nhân dân phường Tây Mỗ: Theo Quyết định số 1161/QĐ-TTg ngày 29/8/2001 của Thủ tướng chính phủ thì một phần thửa đất số 23 và toàn bộ thửa đất số 30 tờ bản đồ số 373-11(trong đó có diện tích đất vợ chồngông H, Bà T đang có tranh chấp) nằm trong diện tích bị thu hồi để bàn giao cho Công ty môi trường đô thị Hà nội để mở rộng nhà máy xử lý rác thải nên đất đó không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng từ đó đến nay Ủy ban nhân dân phường Tây Mỗ cũng như cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện thu hồi hoặc quản lý mà đất đó vẫn do gia đìnhông H, Bà T quản lý, sử dụng.

Do vậy, khi định giá các tài sản chung vợ chồng để chia thì Hội đồng định giá cấp sơ thẩm đã không định giá đối với đất đó và tòa án cấp sơ thẩm không tính vào giá trị tài sản chung vợ chồng để chia là đúng. Tuy nhiên như đã phân tích trên thì Bà T,ông H cùng có công sức khai hoang, quản lý, tu bổ và đã kê khai đứng tên trên bản đồ địa chính và đóng thuế đối với toàn bộ đất đó theo quy định. Vì vậy khi chia và giao các công trình xây dựng và cây cối trên đất thì cần giao các tài sản đó gắn với việc quản lý đất trên có các tài sản đó để đảm bảo ổn định cuộc sống của mỗi bên và đảm bảo quyền lợi, công sức của họ khi cơ quan có thẩm quyền của nhà nước thực hiện các quyết định đối với việc quản lý đất đai hoặc bồi thường khi nhà nước chính thức thực hiện thu hồi đất theo quy định chung.

Theo bản án sơ thẩm đã quyết định giao cho Bà T căn nhà và tài sản tại số 832 trên diện tích đất 165,2m^2 tại thửa đất số 18 tờ bản đồ số 373 - 11(có giá trị tài sản là 48.115.679 đồng) và thửa đất trên có cây cối và một phần tường bao đã cũ tại một phần thửa đất số 30 từ bản đồ 373-11 có số nhà 838 có diện tích 87,9m^2 (có giá trị tài sản là 900.000 đồng). Tổng diện tích đất Bà T được tạm giao gắn với tài sản là 253,1m^2. Phần còn lại giao cho ôngNguyễn Công H khối tài sản có giá trị 249.127.981 đồng bao gồm 02 căn nhà số 826 và 834 (nhưngông H phải thanh toán chênh lệch tài sản cho Bà T 100.056.151 đồng) trên diện tích đất 816,2m^2 là chưa phù hợp với công sức của vợ chồng trong việc duy trì, tôn tạo đất đó. Kháng cáo của Bà T có căn cứ cần được chấp nhận để xem xét.

Kết luận của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa về việc chia tài sản chung vợ chồng gắn liền với việc tạm giao quản lý, sử dụng đất đó gắn liền với tài sản trên đất choông H, Bà T tiếp tục quản

lý, sử dụng và phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền xem xét khi thực hiện các quyết định đối với tài sản và quyền sử dụng đất đó theo diện tích được tạm giao là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Cũng tại phiên tòa phúc thẩm có mặt anh Nguyễn Công Đăng, chị Nguyễn Thanh Hằng (đều là con chung củaông H, Bà T). Anh Đăng tha thiết đề nghịông H, Bà T cho anh Đăng xin một căn nhà để có chỗ ở chăm sóc vợ con vì cả vợ và con anh sức khỏe đều rất yếu, hoàn cảnh rất khó khăn.Bà T xác định nếu được chia nhà theo nguyện vọng thì bà sẽ ở cùng anh Đăng và cùng anh Đăng chăm sóc con, cháu;vì trước đâyông H gây sức ép,đe dọa tính mạng của bà nên bà phải ra ngoài thuê nhà ở không có điều kiện chăm sóc cháu hàng ngày.Sau khi hòa giảiông H tự nguyện cho anh Đăng căn nhà số 826 hiện đang cho anh Biển, chị Hằng thuê. Bà T xác định chưa cho anh Đăng ngay mà bà sẽ ở cùng vợ chồng anh Đăng trong căn nhà này nếu được chia vì chỉ có căn nhà này là còn ở được, còn căn nhà số 832 mà bản án sơ thẩm đa chia cho bà quá xuống cấp không thể ở được; căn nhà tốt và có giá trị nhất là căn nhà số 834 bà cũng xin được nhận để có chỗ ở.Xét thấy sự tự nguyện củaông H cho anh Đăng phần căn nhà 826 là phù hợp, không trái quy định, Bà T không phản đối, anh Đăng đồng ý nhận phần nhà đó và sử dụng cùng Bà T nên ghi nhận. Giao phần giá trị xây dựng của căn nhà số 826 có giá trị 67.406.174 đồng trên diện tích 115,0m^2 đất thuộc một phần thửa số 18 tờ bản đố 373-11 phường Tây Mỗ cho anh Đăng và Bà T là đồng sở hữu và có trách nhiệm giải quyết hợp đồng thuê nhà với anh Biển,chị Hằng khi lấy lại căn nhà.

Căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập tháng 3/2017 thể hiện hiện trạng sử dụng đất và sơ đồ kỹ thuật thửa đất do Công ty cổ phần tư vấn, thiết kế, khảo sát đo đạc và bản đồ lập ngày 16 tháng 5 năm 2018 cùng với lời khai của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm; lời đề nghị của vị đai diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà nội. Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm giao căn nhà số 826 (Khu I) cho Bà T và anh Đăng như đã phân tích trên.

Do đã giao căn nhà số 826 cho Bà T và anh Đăng nên cần giao lại choông H phần tường bao, móng nhà đã cũ (không còn giá trị sử dụng) tại số nhà 838 (Khu V) trên diện tích 87,9m^2 đất thuộc một phần thửa số 30 tờ bản đồ số 373-11 phường Tây Mỗ,trên đất có 03 cây nhãn có giá trị 900.000 đồng để đảm bảo quyền lợi choông H.

Đối với căn nhà số 834 xây năm 2000 có diện tích xây dựng 144,1m^2 nằm trên diện tích 319,9m^2 đất thuộc thửa đất số 23 tờ bản đồ số 373-11 trên có công trình xây dựng có giá trị 170.538.806 đồng (tại khu III tính cả một số cây và tài sản là tường bao) mà Tòa án cấp sơ thẩm giao choông H là phù hợp với công sức và đảm bảo quyền lợi choông H nên không có căn cứ để chấp nhận phần kháng cáo này để hoán đổi giao lại cho Bà T. Tiếp tục giao căn nhà số 834 cùng tài sản, vật liệu gắn liền trên phần đất này choông H.

Đối với căn nhà số 832 trên diện tích 165,2m^2 đất và cây cối thuộc một phần thửa số 18 tờ bản đố 373-11phường Tây Mỗ mà tòa án cấp sơ thẩm giao cho Bà T là phù hợp.Bà T đồng ý nhận căn nhà này gắn liền với đất. Tại biên bản thẩm định ngày 18 tháng 5 năm 2018 của tòa án cấp phúc thẩm,ông H, Bà

T đều xác định quá trình sử dụng nếu phần móng của căn nhà số 832 và 834 có phần xây dựng chồng lên nhau thì sẽ tự xử lý thảo dỡ đảm bảo sử dụng như hiện trạng ranh giới.

Như vậy, tài sản chung của vợ chồngông H, Bà T là cây cối, công trình xây dượng gắn liền với diện tích đất còn lại tại số nhà 834A (khu IV) theo sơ đồ kỹ thuật thửa đất lập tháng 3/2017 và sơ đồ kỹ thuật thửa đất lập ngày 16/5/2018 thì diện tích là 381,3m^2. Cụ thể trên đất có tường bao xây gạch, hàng rào tôn cũ không còn giá trị thanh toán, cây cối trên đất cần chia đôi tương đối là đảm bảo quyền lợi của cả hai ông, bà. Cây cối, tài sản được giao trên phần đất của ai thì do người đó quản lý, sở hữu.Phần chênh lệch giá trị tổng các tài sảnông H được chia nhiều hơn. Tuy nhiên tại phiên tòa ghi nhận sự tự nguyện của Bà T không yêu cầuông H phải thanh toán chênh lệch về giá trị tài sản. Chia cây cối, công trình gắn liền trên đất và tạm giao quản lý đất như sau:

Căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập tháng 3/2017 thể hiện hiện trạng sử dụng đất; sơ đồ kỹ thuật thửa đất do Công ty cổ phần tư vấn, thiết kế, khảo sát đo đạc và bản đồ lập cùng với sơ đồ kỹ thuật thửa đất cũng do Công ty cổ phần tư vấn, thiết kế, khảo sát đo đạc và bản đồ lập ngày 16 tháng 5 năm 2018 và lời khai của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm giao cho ôngNguyễn Công H các tài sản cụ thể như sau:

- Căn nhà số 834 trên có công trình xây dựng là căn nhà cấp IV có diện tích 144,1m^2 giá trị 165.190.980 đồng; tường rào xây gạch có giá trị 3.957.116 đồng; 01 cổng sắt có giá trị 1.057.528 đồng; 01 hàng rào mắt cáo khung sắt có giá trị 333.182 đồng theo hiện trạng trên diện tích 319,9m^2 đất.

- Một phần vườn giáp khu nhà 834 là số 834A tại khu IV-1 theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 16/5/2018 trên có cây lộc vừng giá trị: 200.000đồng; 01 cây đào nhỏ:100.000đồng; 01 cây táo dại giá trị 20.000đồng, cây bưởi,xoài..;một phần tường bao xây gắn liền theo hiện trạng trên diện tích 192,3m^2 đất.

- Khu nhà 838 trên có 01 móng nhà, tường bao mọc rêu cao 50cm, dài 38m (không còn giá trị sử dụng) và 03 cây nhãn có giá trị 900.000 đồng trên diện tích 87,9m^2 đất.

Tổng giá trị tài sảnông H được hưởng là: 178 triệu/600,1m^2 đất. ÔngNguyễn Công H đã cho anh Nguyễn Công Đăng một nửa giá trị căn nhà 826 được giao cùng với bà Nguyễn Thị Hải T là 67. 406.174 đồng : 2 bằng 33.703.087đồng gắn liền trên 115m^2 đất. Thực chấtông H được hưởng tổng giá trị tài sản là 211.703.087 đồng và phần đất đã cho anh Đăng quản lý.

Giao cho bà Nguyễn Thị Hải T được sử dụng, sở hữu công trình xây dựng trên các phần đất được tạm giao như sau:

Bà Nguyễn Thị Hải T và anh Nguyễn Công Đăng được giao căn nhà số 826 theo hiện trạng, trên diện tích 115,0m2 có giá trị 67.406.174 đồng.

Căn nhà số 832 theo hiện trạng có giá trị là 43.322.950 đồng; một tường rào, một cổng sắt,02 cây Xoài,03 cây bưởi có giá trị 4.792.729 đồng trên diện tích 165,2m2 đất theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập tháng 3 năm 2017.

Một phần còn lại của thửa đất tại khu số IV tại số nhà 834A theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập tháng 3 năm 2017 và hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày

18/5/2018 là khu IV-2 có diện tích 189,0m2, trên đất có một phần tường bao xây gạch, cây cối theo hiện trạng.

Tổng giá trị tài sản Bà T được giao là khoảng 120 triệu/469,5m^2 đất. Trong đó có phần giá trị căn nhà số 826 được giao đồng sở hữu với anh Đăng(doông H tự nguyện cho anh Đăng) là 67.406.174 đồng/115,0m^2 đất. Thực chất Bà T được giao giá trị tài sản là 86.818.766 đồng và phần vật liệu nhà, đất được tạm giao quản lý cùng anh Đăng.

(Việc phân chia, tạm giao đất nêu trên có sơ đồ kèm theo).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hải T, cần sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản tương ứng với giá trị tài sản được chia.

Ông Hải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản tương ứng với giá trị tài sản được chia.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên Bà T không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 2 Điều 148, Điều 147 và Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 55, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Xử: Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hải T; sửa một phần bản án sơ thẩm số 34/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Cụ thể như sau:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hải T và ôngNguyễn Công H.

2. Về con chung: Bà T vàông H có 02 con chung là Nguyễn Thanh Hằng, sinh ngày 05/4/1988 và Nguyễn Công Đăng, sinh ngày 19/01/1994, đã trưởng thành và có gia đình riêng. Tòa án không giải quyết.

3. Về công nợ: Các đương sự xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về tài sản chung:

[4.1] Xác nhậnông H, Bà T có các tài sản là: 01 nhà cấp IV diện tích 67,8m^2; 01 tường rào có diện tích 11,6m^2; 01 cổng sắt có diện tích 4,095m^2; 02 cây xoài; 03 cây bưởi tại số nhà 832 đường Phúc Diễn, tổ dân phố Nhuệ Giang, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội có giá trị là 48.115.679 đồng (khu II). Tại số nhà 834 có 01 nhà cấp IV có diện tích là 144,1m^2; 01

tường rào xây gạch diện tích 12,96m^2; 01 cổng sắt; 01 hàng rào mắt cáo diện tích 15m^2; 01 cây lộc vừng; 01 cây đào nhỏ; 01 cây táo dại; 21 cây bưởi; 10 cây xoài; 01 cây nhãn; 01 hàng rào xây gạch có diện tích 48,66m^2 có giá trị sử dụng là 181.721.806 đồng (khu III và khu IV). Tại số nhà 826 có 01 nhà cấp IV có diện tích 49m^2 có giá trị 67.406.174 đồng (khu I). Tại số nhà 838 có móng nhà, tường bao không còn giá trị và 03 cây nhãn có giá trị 900.000 đồng (khu V). Toàn bộ tài sản là các công trình xây dựng, cây cối có tổng giá trị là 298.143.659 đồng tọa lạc trên tổng diện tích đất chưa được công nhận quyền sử dụng là 1096m^2.

[4.2] Ghi nhận sự tự nguyện của ôngNguyễn Công H, bà Nguyễn Thị Hải T và anh Nguyễn Công Đăng về việcông H tự nguyện cho anh Đăng sử dụng, sở hữu ½ giá trị căn nhà số 826 nằm trên diện tích 115,0m^2 đất được tạm giao tại thửa số 18 tờ bản đồ số 373-11 phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

[4.3] Chia tài sản chung vợ chồng bằng hiện vật và tạm giao quản lý, sử dụng đất như sau:

* Chia tài sản và tạm giao quyền sử dụng đất cho ôngNguyễn Công H:

- Căn nhà số 834 trên có công trình xây dựng là căn nhà cấp IV có diện tích 144,1m^2 giá trị 165.190.980 đồng; trường rào xây gạch có giá trị 3.957.116 đồng; 01 cổng sắt có giá trị 1.057.528 đồng; 01 hàng rào mắt cáo khung sắt có giá trị 333.182 đồng theo hiện trạng trên diện tích 319,9m^2 đất (khu III).

- Một phần vườn giáp khu nhà 834 là số 834A tại khu IV-1 theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 16/5/2018 trên có cây lộc vừng giá trị: 200.000 đồng; 01 cây đào nhỏ:100.000 đồng; 01 cây táo dại giá trị 20.000 đồng, cây bưởi, xoài; một phần tường bao xây gắn liền theo hiện trạng trên diện tích 192,3m^2 đất.

- Khu nhà số 838 trên có 01 móng nhà, tường bao mọc rêu cao 50cm, dài 38m; 03 cây nhãn có giá trị 900.000 đồng trên diện tích 87,9m^2 đất (khu V).

* Chia tài sản và tạm giao quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Hải T:

- Bà Nguyễn Thị Hải T và anh Nguyễn Công Đăng được giao căn nhà số 826 theo hiện trạng, trên diện tích 115,0m^2 có giá trị 67.406.174 đồng (khu I).

- Căn nhà số 832 theo hiện trạng có giá trị là 43.322.950 đồng; một tường rào, một cổng sắt,02 cây xoài,03 cây bưởi có giá trị 4.792.729 đồng trên diện tích 165,2m^2 đất theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập tháng 3 năm 2017 (khu II).

- Một phần còn lại của thửa đất tại khu số IV tại số nhà 834A theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập tháng 3 năm 2017 và hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 18/5/2018 là khu IV-2 có diện tích 189,0m^2, trên đất có một phần tường bao xây gạch, cây cối theo hiện trạng.

(Việc phân chia, tạm giao đất nêu trên có sơ đồ kèm theo).

[5] Bà Nguyễn Thị Hải T và anh Nguyễn Công Đăng có quyền và nghĩa vụ khi thực hiện việc chấm dứt hợp đồng cho thuê căn nhà số 826 đối với anh Lê Trọng Biển và chị Xuân Thị Hằng.

[6] ÔngNguyễn Công H, bà Nguyễn Thị Hải T và anh Nguyễn Công Đăng chỉ được tạm giao quản lý, sử dụng diện tích đất và phải chịu trách nhiệm thực hiện các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai cũng như việc thu hồi quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí:

[7.1] Án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Hải T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 5.776.000đ (Năm triệu, bảy trăm, bảy mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản. Tổng cộng là 5.976.000đ (Năm triệu, chín trăm, bảy mươi sáu nghìn đồng). Được trừ vào số tiền 1.500.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, Hà Nội theo biên lai thu số AL/2010/03731 ngày 06/5/2016. Số tiền còn phải nộp là 4.476.000đ (Bốn triệu, bốn trăm, bảy mươi sáu nghìn đồng).

- ÔngNguyễn Công H phải chịu 8.588.000đ (Tám triệu, năm trăm, tám mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản.

[7.2] Án phí phúc thẩm: Hoàn trả bà Nguyễn Thị Hải T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, theo biên lai thu số AK/2010/07408 ngày 21/11/2017.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hà Nội;
- Tòa án nhân dân Q. Nam Từ Liêm;
- Chi cục THA dân sự Q. Nam Từ Liêm;
- UBND phường Tây Mỗ;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

Nguyễn Vũ Đông